

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TỈNH PHÚ YÊN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 16/2018/NQ-HĐND

Phú Yên, ngày 07 tháng 12 năm 2018

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành Quy định về mức thu, quản lý và sử dụng phí  
sử dụng tạm thời hệ phố trên địa bàn tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**  
**KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ 10**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Phí và Lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và Lệ phí;*

*Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Xét Tờ trình số 143/TTr-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí sử dụng tạm thời hệ phố trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí sử dụng tạm thời hệ phố trên địa bàn tỉnh.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện.
3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí sử dụng tạm thời hệ phố trên địa bàn thành phố Tuy Hoà và thị xã Sông Cầu.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên Khóa VII, Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 17 tháng 12 năm 2018./.

**CHỦ TỊCH**

**Huỳnh Tấn Việt**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**QUY ĐỊNH**

**Mức thu, quản lý và sử dụng phí sử dụng tạm thời hè phố  
trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND  
Ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên)*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí sử dụng tạm thời hè phố trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng

Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng tạm thời hè phố vào mục đích sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh phù hợp với quy hoạch, kế hoạch và quy định của Nhà nước về quản lý, sử dụng hè phố và được Ủy ban nhân dân thành phố Tuy Hòa, Ủy ban nhân dân thị xã Sông Cầu, Ủy ban nhân dân huyện Sơn Hòa, Ủy ban nhân dân huyện Đông Hòa và Ủy ban nhân dân huyện Tuy An cấp Giấy phép sử dụng tạm thời hè phố.

Không áp dụng thu phí đối với trường hợp cấp phép sử dụng tạm thời hè phố ngoài mục đích giao thông cho việc tổ chức cưới hỏi, tang lễ; đối tượng được sử dụng tạm thời hè phố để tổ chức trông giữ xe theo hình thức đấu giá nộp phí.

**Điều 2. Nội dung và mức thu phí**

1. Cơ quan thu phí

Ủy ban nhân dân các phường, thị trấn thuộc thành phố Tuy Hòa, thị xã Sông Cầu, huyện Đông Hòa, huyện Tuy An và huyện Sơn Hòa.

2. Căn cứ tính phí

Căn cứ tính phí là diện tích hè phố và thời gian được thể hiện trên giấy phép sử dụng tạm thời hè phố do Ủy ban nhân dân thành phố Tuy Hòa, Ủy ban nhân dân thị xã Sông Cầu, Ủy ban nhân dân huyện Đông Hòa, Ủy ban nhân dân huyện Tuy An và Ủy ban nhân dân huyện Sơn Hòa cấp.

3. Mức thu phí

Mức thu phí được quy định chi tiết trong Phụ lục I, II, III, IV, V đính kèm.

4. Quản lý và sử dụng phí

Tổ chức thu phí được để lại 20% tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí; nộp 80% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước theo chương, mục, tiểu mục tương ứng của Mục lục ngân sách nhà nước.

Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí./

**CHỦ TỊCH**

**Huỳnh Tấn Việt**

**PHỤ LỤC I**  
**QUY ĐỊNH MỨC THU PHÍ SỬ DỤNG TẠM THỜI HỀ PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ TUY HÒA**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND, ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh)*

**Thành phố Tuy Hòa:**

ĐVT: đồng/m<sup>2</sup>/tháng.

Số TT	Vị trí	Nội dung	Sử dụng tạm thời hệ phố để kinh doanh, buôn bán nhỏ và các hoạt động khác mang tính chất thường xuyên (sử dụng 01 buổi/ngày)	Sử dụng tạm thời hệ phố để kinh doanh, buôn bán nhỏ và các hoạt động khác mang tính chất thường xuyên (sử dụng từ 02 buổi trở lên/ngày)	Sử dụng tạm thời hệ phố để trông giữ xe đạp, xe máy, xe ô tô (sử dụng 01 buổi/ngày)	Sử dụng tạm thời hệ phố để trông giữ xe đạp, xe máy, xe ô tô (sử dụng từ 02 buổi trở lên/ngày)	Sử dụng tạm thời hệ phố ngoài mục đích giao thông là chủ sở hữu phần nhà, chủ sở hữu phần đất bên trong hệ phố (sử dụng 01 buổi/ngày)	Sử dụng tạm thời hệ phố ngoài mục đích giao thông là chủ sở hữu phần nhà, chủ sở hữu phần đất bên trong hệ phố (sử dụng từ 02 buổi trở lên/ngày)	Sử dụng tạm thời hệ phố không thường xuyên, không cố định
1	- Vị trí 1 (gồm các tuyến đường Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Nguyễn Huệ, Nguyễn Thái Học, Trần Phú, Ngô Quyền và Nguyễn Trãi)		20.000	40.000	15.000	30.000	14.000	28.000	5.000
2	- Vị trí 2 (gồm các tuyến đường Lê Trung Kiên, Cao Thắng, Lương Văn Chánh, Điện Biên Phủ, Nguyễn Du, Duy Tân và Trường Chinh)		15.000	30.000	15.000	30.000	10.000	20.000	5.000
3	- Vị trí 3 (gồm các tuyến đường Nguyễn Trung Trực, Nguyễn Tất Thành, Phan Bội Châu, Tân Đà, Nguyễn Công Trứ, Chu Mạnh Trinh, Yersin, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp, Trần Bình Trọng, Hoàng Diệu, Trần Cao Vân, Chu Văn An, Lê Quý Đôn, Lý Tự Trọng, Đồng Khởi, Nguyễn Thị Minh Khai, Bà Triệu, Lê Duẩn, Góc Đông Bắc bờ biển và đường bao Khu đô thị Hưng Phú (phía Tây)).		12.000	24.000	15.000	30.000	8.000	16.000	5.000

CÔNG BÁO/SỐ 01+02+03/Ngày 01-01-2019

**PHỤ LỤC II**  
**QUY ĐỊNH MỨC THUPHÍ SỬ DỤNG TẠM THỜI HÈ PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ SÔNG CẦU**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND, ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh)*

**Thị xã Sông Cầu:**

ĐVT: đồng/m<sup>2</sup>/tháng.

Số TT	Nội dung Vị trí	Sử dụng tạm thời hè phố để kinh doanh, buôn bán nhỏ và các hoạt động khác mang tính chất thường xuyên (sử dụng 01 buổi/ngày)	Sử dụng tạm thời hè phố để kinh doanh, buôn bán nhỏ và các hoạt động khác mang tính chất thường xuyên (sử dụng từ 02 buổi trở lên/ngày)	Sử dụng tạm thời hè phố để trông giữ xe đạp, xe máy, xe ô tô (sử dụng 01 buổi/ngày)	Sử dụng tạm thời hè phố để trông giữ xe đạp, xe máy, xe ô tô (sử dụng từ 02 buổi trở lên/ngày)	Sử dụng tạm thời hè phố ngoài mục đích giao thông là chủ sở hữu phần nhà, chủ sở hữu phần đất bên trong hè phố (sử dụng 01 buổi/ngày)	Sử dụng tạm thời hè phố ngoài mục đích giao thông là chủ sở hữu phần nhà, chủ sở hữu phần đất bên trong hè phố (sử dụng từ 02 buổi trở lên/ngày)	Sử dụng tạm thời hè phố không thường xuyên, không cố định
1	- Vị trí 1 gồm: + Các tuyến đường: Võ Thị Sáu, Đoàn Thị Điểm, Lê Lợi, Hùng Vương, Phan Đình Phùng, Trần Hưng Đạo, Lê Duẩn, Nguyễn Văn Linh. + Các điểm: Điểm phía tây Ngân hàng NN & PTNT, điểm Quảng trường phía giáp đường Nguyễn Huệ, điểm Công viên chợ phía giáp đường Phạm Văn Đồng, điểm phải đông Bưu điện thị xã.	15.000	30.000	15.000	30.000	10.000	20.000	5.000
2	- Vị trí 2 gồm: + Các tuyến đường: Lê Hồng Phong, Lê Thành Phương, Hoàng Hoa Thám, Ngô Quyền, Phan Bội Châu, Bùi Thị Xuân, Kim Đồng. + Các điểm: Hè phố đường Nguyễn Hồng Sơn phía giáp sông Tam Giang, cách mép đường Phạm Văn Đồng 5m.	10.000	20.000	15.000	30.000	7.000	14.000	5.000
3	- Vị trí 3 gồm các tuyến đường: Mạc Đình Chi, Ngô Mây, Tô Hiến Thành, Hồng Bàng, Âu Cơ, Lạc Long Quân).	7.000	14.000	15.000	30.000	5.000	10.000	5.000

**PHỤ LỤC III**  
**QUY ĐỊNH MỨC THUPHÍ SỬ DỤNG TẠM THỜI HÈ PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐÔNG HÒA**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND, ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh)*

**Huyện Đông Hòa:**

ĐVT: đồng/m<sup>2</sup>/tháng.

Số TT	Nội dung	Sử dụng tạm thời hè phố để kinh doanh, buôn bán nhỏ và các hoạt động khác mang tính chất thường xuyên (sử dụng 01 buổi/ngày)	Sử dụng tạm thời hè phố để kinh doanh, buôn bán nhỏ và các hoạt động khác mang tính chất thường xuyên (sử dụng từ 02 buổi trở lên/ngày)	Sử dụng tạm thời hè phố để trông giữ xe đạp, xe máy, xe ô tô (sử dụng 01 buổi/ngày)	Sử dụng tạm thời hè phố để trông giữ xe đạp, xe máy, xe ô tô (sử dụng từ 02 buổi trở lên/ngày)	Sử dụng tạm thời hè phố ngoài mục đích giao thông là chủ sở hữu phân nhà, chủ sở hữu phần đất bên trong hè phố (sử dụng 01 buổi/ngày)	Sử dụng tạm thời hè phố ngoài mục đích giao thông là chủ sở hữu phân nhà, chủ sở hữu phần đất bên trong hè phố (sử dụng từ 02 buổi trở lên/ngày)
1	- Vị trí 1: gồm các tuyến đường: Nguyễn Tất Thành, Nguyễn Thị Minh Khai, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo	15.000	30.000	15.000	30.000	10.000	20.000
2	- Vị trí 2: gồm các tuyến đường: Lê Trung Kiên, Đỗ Như Dậy, Lê Lợi, Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập, Lê Duẩn.	10.000	20.000	15.000	30.000	7.000	14.000
3	- Vị trí 3: gồm các tuyến đường còn lại	7.000	14.000	15.000	30.000	5.000	10.000

CÔNG BÁO/SỐ 01+02+03/Ngày 01-01-2019

**PHỤ LỤC IV**  
**QUY ĐỊNH MỨC THUPHÍ SỬ DỤNG TẠM THỜI HÈ PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TUY AN**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND, ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh)*

**Huyện Tuy An:**

ĐVT: đồng/m<sup>2</sup>/tháng.

Số TT	Vị trí	Nội dung	Sử dụng tạm thời hè phố để kinh doanh, buôn bán nhỏ và các hoạt động khác mang tính chất thường xuyên (sử dụng 01 buổi/ngày)	Sử dụng tạm thời hè phố để kinh doanh, buôn bán nhỏ và các hoạt động khác mang tính chất thường xuyên (sử dụng từ 02 buổi trở lên/ngày)	Sử dụng tạm thời hè phố để trông giữ xe đạp, xe máy, xe ô tô (sử dụng 01 buổi/ngày)	Sử dụng tạm thời hè phố để trông giữ xe đạp, xe máy, xe ô tô (sử dụng từ 02 buổi trở lên/ngày)	Sử dụng tạm thời hè phố ngoài mục đích giao thông là chủ sở hữu phần nhà, chủ sở hữu phần đất bên trong hè phố (sử dụng 01 buổi/ngày)	Sử dụng tạm thời hè phố ngoài mục đích giao thông là chủ sở hữu phần nhà, chủ sở hữu phần đất bên trong hè phố (sử dụng từ 02 buổi trở lên/ngày)	Sử dụng tạm thời hè phố không thường xuyên, không cố định
1	Vị trí 1: tuyến đường Quốc lộ 1 (đoạn qua thị trấn Chí Thạnh)		15.000	30.000	15.000	30.000	7.500	15.000	5.000
2	- Vị trí 2: gồm các tuyến đường: Lê Thành Phương, Trần Phú.		10.000	20.000	10.000	20.000	5.000	10.000	2.500
3	- Vị Trí 3: gồm tuyến đường Trần Rịa.		7.000	14.000	7.000	14.000	3.500	7.000	2.500
4	- Vị trí 4: gồm các tuyến đường Hải Dương, Ngân Sơn-Chí Thạnh, Võ Trứ.		4.000	8.000	4.000	8.000	1.000	2.000	2.500

**PHỤ LỤC V**  
**QUY ĐỊNH MỨC THU PHÍ SỬ DỤNG TẠM THỜI HÈ PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN SƠN HÒA**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND, ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh)*

**Huyện Sơn Hòa:**

ĐVT: đồng/m<sup>2</sup>/tháng.

Số TT	Nội dung Vị trí	Sử dụng tạm thời hè phố để kinh doanh, buôn bán nhỏ và các hoạt động khác mang tính chất thường xuyên (sử dụng 01 buổi/ngày)	Sử dụng tạm thời hè phố để kinh doanh, buôn bán nhỏ và các hoạt động khác mang tính chất thường xuyên (sử dụng từ 02 buổi trở lên/ngày)	Sử dụng tạm thời hè phố để trông giữ xe đạp, xe máy, xe ô tô (sử dụng 01 buổi/ngày)	Sử dụng tạm thời hè phố để trông giữ xe đạp, xe máy, xe ô tô (sử dụng từ 02 buổi trở lên/ngày)	Sử dụng tạm thời hè phố ngoài mục đích giao thông là chủ sở hữu phần nhà, chủ sở hữu phần đất bên trong hè phố (sử dụng 01 buổi/ngày)	Sử dụng tạm thời hè phố ngoài mục đích giao thông là chủ sở hữu phần nhà, chủ sở hữu phần đất bên trong hè phố (sử dụng từ 02 buổi trở lên/ngày)	Sử dụng tạm thời hè phố không thường xuyên, không cố định
1	- Vị trí 1: gồm các tuyến đường: Trần Phú (thị trấn Củng Sơn)	2.000	4.000	3.000	6.000	1.000	2.000	1.000
2	- Vị trí 2: gồm các tuyến đường: Trần Hưng Đạo, Nguyễn Thị Minh Khai, Nguyễn Chí Thanh, Lê Lợi, 24/3	1.500	3.000	2.500	5.000	1.000	2.000	1.000
3	- Vị trí 3: gồm các tuyến đường: Võ Thị Sáu, Hùng Vương, Hai Bà Trưng	1.000	2.000	2.000	4.000	1.000	2.000	1.000

CÔNG BÁO/SỐ 01+02+03/Ngày 01-01-2019